

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc bổ sung dự toán kinh phí năm 2021 cho Trường Cao đẳng Kỹ thuật công nghệ Quy Nhơn để thực hiện miễn, giảm học phí học kỳ II năm học 2020 - 2021 cho học sinh, sinh viên theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ và Quyết định số 55/2015/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 của UBND tỉnh**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Tài chính và Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ;*

*Căn cứ Quyết định số 55/2015/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 của UBND tỉnh về việc quy định mức thu học phí theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021 trên địa bàn tỉnh;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 295/TTr-STC ngày 26/5/2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Bổ sung dự toán kinh phí năm 2021 cho Trường Cao đẳng Kỹ thuật công nghệ Quy Nhơn với tổng số tiền **3.898.700.000 đồng** (Ba tỷ, tám trăm chín mươi tám triệu, bảy trăm nghìn đồng) để thực hiện miễn, giảm học phí học kỳ II năm học 2020 - 2021 cho học sinh, sinh viên theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ và Quyết định số 55/2015/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 của UBND tỉnh.

*(Chi tiết như Phụ lục kèm theo).*

Nguồn kinh phí thực hiện: Từ nguồn kinh phí Trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương thực hiện chính sách hỗ trợ chi phí học tập và miễn, giảm học phí năm học 2021 tại Quyết định số 5050/QĐ-UBND ngày 10/12/2020 của UBND tỉnh.

**Điều 2.** Giao Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật công nghệ Quy Nhơn phối hợp với các cơ quan liên quan quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí nêu trên theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật công nghệ Quy Nhơn và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- CT, PCT Lâm Hải Giang;
- PVP VX;
- Lưu: VT, K20.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lâm Hải Giang**

**PHỤ LỤC**

**Bổ sung dự toán kinh phí năm 2021 cho Trường Cao đẳng Kỹ thuật công nghệ  
Quy Nhơn để thực hiện miễn, giảm học phí học kỳ II năm học 2020 - 2021  
cho học sinh, sinh viên theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của  
Chính phủ và Quyết định số 55/2015/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 của UBND tỉnh**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

*Đơn vị tính: đồng*

Số TT	Chỉ tiêu	Học kỳ II năm học 2020-2021 (5 tháng)						
		Trung cấp nghề			Cao đẳng nghề			Kinh phí cấp bù học phí học kỳ II năm 2020-2021
		Số đối tượng	Mức học phí bq/ tháng	Kinh phí cấp bù học phí	Số đối tượng	Mức học phí bq/ tháng	Kinh phí cấp bù học phí	
A	B	1	2	3	4	5	6	7=3+6
	<b>Tổng cộng</b>	<b>716</b>		<b>2.874.100.000</b>	<b>308</b>		<b>1.024.600.000</b>	<b>3.898.700.000</b>
1	Người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng theo Pháp lệnh ưu đãi người có công	3	820.000	12.300.000	6	940.000	28.200.000	40.500.000
2	Học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo	3	820.000	12.300.000	4	940.000	18.800.000	31.100.000
3	Người tốt nghiệp THCS học tiếp lên trình độ trung cấp (không gián đoạn thời gian)	660	820.000	2.706.000.000	0		-	2.706.000.000

4	Học sinh, sinh viên là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên		820.000	-	3	940.000	7.050.000	7.050.000
5	Đối tượng sinh viên là dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số ít người) ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn		820.000	-	6	940.000	19.740.000	19.740.000
6	Học sinh, sinh viên học nghề nặng nhọc, nguy hiểm đối với giáo dục, nghề nghiệp (danh mục các nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định)	50	820.000	143.500.000	289	940.000	950.810.000	1.094.310.000